

Bản án số: 420/2024/DS-PT
Ngày 29-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;
đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Cường; ông Trần Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 261/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1987, cư trú tại: D, đường Số I, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1960, cư trú tại: Số H, hẻm C, đường T, khu phố A, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Đặng Hoàng Duy Đ, sinh năm 1975, cư trú tại: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Thúy H1, sinh năm 1978, cư trú tại: Số B, đường tỉnh lộ 786, tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Võ Thị Thúy H1, chủ Doanh nghiệp tư nhân L1, sinh năm 1978, cư trú tại: Số B, đường tỉnh lộ 786, tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn H, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 28-8-2023 của ông Phạm Văn H và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo uỷ quyền của ông H là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Ông Phạm Văn H và vợ chồng bà Võ Thị Thúy H1, ông Đặng Hoàng Duy Đ quen biết nhau.

Vào ngày 13-7-2022, ông H cho ông Đ và bà H1 vay 500.000.000 đồng, có ghi “Giấy cho vay tiền”, bà H1 và ông Đ ký tên bên vay, không thế chấp tài sản, hạn trả là ngày 13-8-2022; ngày 14-7-2022 ông Đ, bà H1 vay 100.000.000 đồng, không ghi giấy nợ. Hai bên thống nhất giao tiền vay bằng cách chuyển vào tài khoản số 050063434199 của Doanh nghiệp tư nhân L1, do bà Võ Thị Thúy H1 là chủ, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, tổng cộng tiền vay là 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, tức là mỗi tháng trả 12.000.000 đồng tiền lãi, đã trả 03 tháng với số tiền 36.000.000 đồng.

Đã đòi nhiều lần không trả nên ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà H1 liên đới trả nợ gốc 600.000.000 đồng và trả lãi theo lãi suất 10%/năm, chấp nhận khấu trừ tiền lãi đã trả.

Ngoài ra, cá nhân ông Đ còn vay riêng của ông H 640.000.000 đồng vào ngày 20-4-2023, lãi suất 2%, thời hạn vay 02 tháng, ông Đ đã giao cho ông H giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS14681 ngày 13-9-2022, ông Đặng Hoàng Duy Đ đứng tên để làm tin, đối với khoản vay này ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H không đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H1.

- **Bị đơn, ông Đặng Hoàng Duy Đ trình bày:**

Ông và bà Võ Thị Thúy H1 có vay của ông H 600.000.000 đồng như ông H trình bày, đã trả được 36.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả nợ gốc. Tiền vay này là nợ chung của ông và bà H1 nên ông chấp nhận trả 300.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi.

Ngoài ra, cá nhân ông còn vay của ông H 640.000.000 đồng vào ngày 20-4-2023 và có giao cho ông H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS14681 ngày 13-9-2022, ông đứng tên, khoản vay này giữa ông và ông H không tranh chấp.

- **Bị đơn bà Võ Thị Thúy H1, cũng là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Lợi Phúc L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

Bà và ông Đặng Hoàng Duy Đ có vay của ông Phạm Văn H 500.000.000 đồng vào ngày 13-7-2022, có ghi giấy nợ, hạn trả là ngày 13-8-2022 và 100.000.000 đồng vào ngày 14-7-2022, không ghi giấy nợ, không xác định được thời hạn trả. Về lãi suất ông H trình bày không đúng, hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 18.000.000 đồng/tháng, không phải là 12.000.000 đồng/tháng.

Ông H giao tiền vay bằng cách chuyển vào số tài khoản 050063434199 của bà đứng tên với tư cách là Chủ Doanh nghiệp tư nhân L1 là để thuận tiện cho việc rút tiền, các khoản vay này không liên quan đến Doanh nghiệp tư nhân L1.

Tiền vay dùng để trả nợ ngân hàng, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà và ông Đ.

Khi vay tiền, bà và ông Đ có giao cho ông H một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01311QSĐĐ/1942/03/HĐCNHL ngày 20-8-2003, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp, ông Đặng Hoàng Duy Đ đứng tên, không lập biên bản giao nhận, sau đó ông H giao lại cho ông Đ đi làm thủ tục sang tên theo thỏa thuận phân chia tài sản của bà và ông Đ, ông Đ đã được cấp lại thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DH 688321, số vào sổ cấp GCN: CS14681 ngày 13-9-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, ông Đặng Hoàng Duy Đ đứng tên.

Sau khi ly hôn, bà và ông Đ có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết nợ chung, tài sản chung của vợ chồng bằng Giấy uỷ quyền lập ngày 08-7-2022 và Văn bản thỏa thuận chia tài sản sau khi ly hôn lập ngày 19-8-2022, cụ thể là ông Đ có trách nhiệm trả cho ông H 600.000.000 đồng như nêu trên và được sở hữu phần đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN 01311QSĐĐ/1942/03/HĐCNH; bà chịu trách nhiệm trả khoản nợ 7.000.000.000 đồng cho Ngân hàng N, tại Chi nhánh T và được sở hữu các tài sản theo thỏa thuận.

Bà đã trả cho ông H 18.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 19-8-2022, khi trả không yêu cầu ông H ký nhận.

Vào ngày 20-6-2023, ông Đ đã trả cho ông H 580.000.000 đồng nợ gốc của khoản vay 600.000.000 đồng, việc trả tiền có ghi vào mặt sau của “Giấy cho vay tiền” ngày 13-7-2022 và thể hiện trong nội dung các tin nhắn Zalo vào ngày 20-6-2023 giữa bà và ông H. Như vậy, bà và ông Đ chỉ còn nợ ông H 100.000.000 đồng, bà và ông Đ đã thỏa thuận là ông Đ chịu trách nhiệm trả nhưng ông Đ và ông H hợp tác với nhau, khởi kiện để buộc bà phải trả nợ là không đúng.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H; yêu cầu ông H phải trả lại cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS14681 ngày 13-9-2022.

Với tư cách là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Lợi Phúc L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà xác định: Khoản tiền vay ông H chuyển vào

tài khoản của Doanh nghiệp tư nhân L1 vào ngày 14-7-2022 là tiền bà và ông Đ vay của ông H, không liên quan đến Doanh nghiệp tư nhân L1.

- Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Đặng Hoàng Duy Đ, bà Võ Thị Thúy H1.

Buộc ông Đặng Hoàng Duy Đ và bà Võ Thị Thúy H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Văn H số tiền vay gốc là 48.389.000 (bốn mươi tám triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng, trong đó: Ông Đặng Hoàng Duy Đ có nghĩa vụ trả 24.194.500 (hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng; bà Võ Thị Thúy H1 có nghĩa vụ trả 24.194.500 (hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H về việc buộc ông Đặng Hoàng Duy Đ và bà Võ Thị Thúy H1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 40.417.000 (bốn mươi triệu, bốn trăm mười bảy nghìn) đồng, tổng cộng là 540.417.000 (năm trăm bốn mươi triệu, bốn trăm mười bảy nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H1 đối với ông Phạm Văn H về việc đòi lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DH 688321, số vào sổ cấp GCN: CS14681 ngày 13-9-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, ông Đặng Hoàng Duy Đ đứng tên.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đặng Hoàng Duy Đ và bà Võ Thị Thúy H1 có nghĩa vụ liên đới chịu 2.419.000 (hai triệu, bốn trăm mười chín nghìn) đồng án phí dân sự đối với nghĩa vụ trả tiền nợ vay. Trong đó ông Đặng Hoàng Duy Đ, bà Võ Thị Thúy H1 mỗi người phải chịu 1.209.500 (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng tiền án phí.

+ Bà Võ Thị Thúy H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận.

+ Ông Phạm Văn H phải chịu 25.617.000 (hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn) đồng đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về khấu trừ tiền tạm ứng án phí, lãi suất chậm thi hành án; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

- Ngày 22-4-2024, nguyên đơn ông Phạm Văn H, do ông Nguyễn Văn V đại diện theo ủy quyền, kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tin nhắn giữa ông H và bà H1, do ông Hậu cung C cho Tòa án để trừ 580.000.000 đồng ông Đ đã trả cho phần nợ riêng của ông Đ, vào

phần nợ chung trong vụ án này; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà H1 cùng ông Đ trả cho ông H 600.000.000 đồng tiền vay gốc và trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 13-11-2022.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của ông Phạm Văn H trong thời hạn, hợp lệ theo quy định tại các Điều: 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Hoàng Duy Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn H, thấy rằng:

Ông Đặng Hoàng Duy Đ và bà Võ Thị Thúy H1 thống nhất số tiền vay của ông Phạm Văn H, gồm 500.000.000 đồng theo “Giấy cho vay tiền” ngày 13-7-2022, và 100.000.000 đồng ngày 14-7-2022 không ghi giấy nợ, tổng cộng 600.000.000 đồng, ông H chuyển tiền vay vào số tài khoản của Doanh nghiệp tư nhân L1 do bà H1 làm chủ, là nợ chung của ông Đ, bà H1 vay để trả nợ ngân hàng.

Ông Đ, bà H1 là vợ chồng, đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 101/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28-6-2022, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Khi ly hôn, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19-8-2022, ông Đ và bà H1 lập “Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau khi ly hôn”, có công chứng tại Văn phòng C1, nội dung phân chia tài sản chung của vợ chồng, trong đó bà H1 được sử dụng 509,8 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN CS04780 ngày 07-4-2016; ông Đ được sử dụng 665 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ

cấp GCN 01311 ngày 20-8-2003; trong Văn bản thỏa thuận không đề cập đến tiền nợ.

Bà H1 và ông Đ không có chứng cứ chứng minh có việc phân chia số nợ 600.000.000 đồng để trả nên nghĩa vụ trả nợ cho ông H vẫn là nghĩa vụ chung của ông Đ, bà H1.

Ông Đ và ông H cho rằng số tiền 580.000.000 đồng ông Đ trả cho ông H vào ngày 20-6-2023 là trả cho khoản nợ riêng 640.000.000 đồng ông Đ vay của ông H theo “Giấy mượn tiền” ngày 20-4-2023 nhưng việc trả số tiền 580.000.000 đồng được ghi ở mặt sau của “Giấy cho vay tiền” ngày 13-7-2022, nội dung ghi ông Đ trả cho ông H 580.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng hẹn ngày 27-7-2023 trả. Nội dung này phù hợp với nội dung tin nhắn Zalo giữa ông H và bà H1, do ông Hậu cung C cho Tòa án. Tin nhắn thể hiện ông H báo cho bà H1 biết là số tiền vay 600.000.000 đồng đã được ông Đ trả 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi, còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền vay gốc. Ông H và ông Đ khai số tiền đã trả là trả cho khoản vay riêng của ông Đ theo “Giấy mượn tiền” ngày 20-4-2023 nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông H cũng không kiện đòi trong vụ án này. Tòa án cấp sơ thẩm trừ số tiền 580.000.000 đồng ông Đ đã trả vào số nợ chung 600.000.000 đồng như đã nêu trên là có căn cứ.

Về tiền lãi: Giấy nợ không ghi lãi suất, ông H khai lãi 12.000.000 đồng/tháng; bà H1 khai 18.000.000 đồng/ tháng là có mâu thuẫn về lãi suất, ông H yêu cầu tính theo lãi suất 10%/ năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ông H thừa nhận ông Đ đã trả 36.000.000 đồng tiền lãi; bà H1 cho rằng, cá nhân bà đã trả cho ông H 18.000.000 đồng tiền lãi vào ngày 19-8-2022 nhưng không có chứng cứ chứng minh, ông H không thừa nhận, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ khấu trừ 36.000.000 đồng tiền lãi ông Đ đã trả là có căn cứ.

Về tiền vay gốc, tiền lãi phải trả đã được làm rõ trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và số tiền lãi đã trả vượt quá số tiền lãi phải trả theo quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm trừ vào nợ vay gốc là đúng theo quy định tại các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự.

Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

[3] Về án phí sơ thẩm, Bản án sơ thẩm tuyên ông Đặng Hoàng Duy Đ, bà Võ Thị Thúy H1 mỗi người phải chịu 1.209.500 (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng tương ứng với số tiền Tòa án buộc mỗi người phải trả cho ông H là đúng nhưng tuyên ông Đ và bà H1 có nghĩa vụ liên đới chịu 2.419.000 (hai triệu, bốn trăm mười chín nghìn) đồng là không chính xác, không cần thiết, cần phải điều chỉnh Bản án sơ thẩm phần này.

[4] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông H không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2024/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H đối với ông Đặng Hoàng Duy Đ, bà Võ Thị Thúy H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Đặng Hoàng Duy Đ và bà Võ Thị Thúy H1 phải liên đới trả cho ông Phạm Văn H số tiền vay gốc là 48.389.000 (bốn mươi tám triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn) đồng, trong đó: Ông Đặng Hoàng Duy Đ phải trả 24.194.500 (hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng; bà Võ Thị Thúy H1 phải trả 24.194.500 (hai mươi bốn triệu, một trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu ông Đ, bà H1 chưa giao trả đủ số tiền mà Tòa án tuyên mỗi người phải trả như đã nêu trên thì hàng tháng ông Đ1, bà H1 còn phải trả cho ông H tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án của mỗi người.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H đối với ông Đặng Hoàng Duy Đ, bà Võ Thị Thúy H1 về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi 40.417.000 (bốn mươi triệu, bốn trăm mười bảy nghìn) đồng, tổng cộng là 540.417.000 (năm trăm bốn mươi triệu, bốn trăm mười bảy nghìn) đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thúy H1 đối với ông Phạm Văn H về việc đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS14681 ngày 13-9-2022, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp, ông Đặng Hoàng Duy Đ đứng tên, thửa đất 1218 (thửa cũ 227), tờ bản đồ 3 (tờ bản đồ cũ 13) tọa lạc tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Về án phí sơ thẩm:

+ Ông Đặng Hoàng Duy Đ phải chịu 1.209.500 (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ vay cho ông H.

+ Bà Võ Thị Thúy H1 phải chịu 1.209.500 (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng án phí đối với nghĩa vụ trả nợ vay cho ông H và phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008775 ngày 18-01-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại phải nộp là 1.209.500 (một triệu hai trăm lẻ chín nghìn, năm trăm) đồng.

+ Ông Phạm Văn H phải chịu 25.617.000 (hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn) đồng án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, được trừ vào 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0019152 ngày 10-10-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn lại phải nộp là 11.617.000 (mười một triệu, sáu trăm mười bảy nghìn) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0009148 ngày 23-4-2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Đồng

